

Số: 800 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt và công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2024

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định về tiêu chí và quy trình đánh giá Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 416/TTr-SNV ngày 24 tháng 12 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt và công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2024 (theo Phụ lục 01, 02 đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2024; các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm; đưa kết quả Chỉ số cải cách hành chính là một trong những nội dung của công tác thanh tra, kiểm tra cải cách hành chính; có giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính ở những năm tiếp theo.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: *gms*

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC, CVP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Vương Quốc Tuấn

Phụ lục 01

Chỉ số CCHC năm 2024 của các Sở, ban, ngành

(Kèm theo Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh)



STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điểm do đơn vị tự chấm	Điểm do Hội đồng chấm	Thứ tự xếp hạng theo nhóm	Đánh giá
1	Sở Y Tế	99.64	92.26	1	Tốt
2	Sở Xây dựng	98.50	90.45	2	Tốt
3	Sở Thông tin và Truyền thông	92.99	90.38	3	Tốt
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	100	90.32	4	Tốt
5	Ban quản lý an toàn thực phẩm tỉnh	97.75	87.96	5	Khá
6	Sở Công thương	97.50	87.86	6	Khá
7	Sở Khoa học và Công nghệ	90.82	87.44	7	Khá
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	99.00	87.12	8	Khá
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	98.25	86.69	9	Khá
10	Sở Nội vụ	100	86.64	10	Khá
11	Sở Tài chính	96.15	86.62	11	Khá
12	Sở Giao thông vận tải	94.25	85.35	12	Khá
13	Sở Tư pháp	98.00	83.56	13	Khá
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	93.60	82.09	14	Khá
15	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	89.75	81.37	15	Khá
16	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	94.80	80.73	16	Khá
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	93.75	78.16	17	Trung bình



Phụ lục 02

Chỉ số CCHC năm 2024 của UBND các huyện, thị xã, thành phố  
(Kèm theo Quyết định số 800 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024  
của UBND tỉnh Bắc Ninh)



STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điểm do đơn vị tự chấm	Điểm do Hội đồng chấm	Thứ tự xếp hạng theo nhóm	Đánh giá
1	Thành phố Bắc Ninh	98.83	83.33	1	Khá
2	Thành phố Từ Sơn	97.11	83.32	2	Khá
3	Huyện Gia Bình	94.88	83.32	2	Khá
4	Huyện Tiên Du	97.28	83.13	4	Khá
5	Thị xã Thuận Thành	95.89	83.13	4	Khá
6	Thị xã Quế Võ	94.48	78.23	6	Trung bình
7	Huyện Lương Tài	91.22	78.19	7	Trung bình
8	Huyện Yên Phong	92.85	78.08	8	Trung bình

